

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số : 25/2021/HC-ST
Ngày : 16 - 7 - 2021
V/v khiếu kiện các quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Phùng

Bà Huỳnh Thị Kim Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 03/TLST-HC ngày 12 tháng 01 năm 2021 về khiếu kiện các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-HC ngày 08 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Lê Công K; trú tại: Tổ 8, khu vực 2, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định (Có mặt)

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định;

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Công V – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q (Theo Giấy ủy quyền số 06/GUQ-UBND ngày 13/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q) (Vắng mặt)

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần Sơn B – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T (Theo Giấy ủy quyền số 01/GUQ-UBND ngày 02/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T) (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định;

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Sơn B – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T (Theo Giấy ủy quyền số 01/GUQ-UBND ngày 02/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T) (Vắng mặt).

2. Bà Lê Thị C; (Vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Thị Bích H; (Vắng mặt)

đồng trú tại: Tổ 8, khu vực 2, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

4. Ông Lê Công K; (Vắng mặt)

5. Ông Lê Công C; (Vắng mặt)

Đồng trú tại: Tổ 11, khu vực 2, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

6. Ông Lê Công K; trú tại: Tổ 49, khu vực 6, phường Nhơn Bình, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Ông Huỳnh L; trú tại: Tổ 8, khu vực 2, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt)

2. Ông Nguyễn L; trú tại: Tổ 11, khu vực 2, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Đình Đ; trú tại: Tổ 10, khu vực 2, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt)

4. Ông Huỳnh M; trú tại: Tổ 11, khu vực 2, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, người khởi kiện ông Lê Công K trình bày:

Trước năm 1983, do gia đình đông con không có tư liệu sản xuất, ruộng đất đã đưa vào hợp tác xã nông nghiệp, lương thực thực phẩm không đủ cung cấp cho gia đình nên cha ông là ông Lê C có khai hoang 02 thửa đất tại tổ 8, khu vực 2, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định là thửa đất số 66, tờ bản đồ số 36, diện tích 2.326,16m² (Viết tắt là thửa đất số 66) và thửa đất số 73, tờ bản đồ số 36, diện tích 799,3m² (Viết tắt là thửa đất số 73) sử dụng trồng cây ăn trái, hoa màu và cây lâu năm để cải thiện cuộc sống. Sau khi các anh chị lập gia đình ra ở riêng, ông và chị ông là bà Lê Thị C tiếp tục canh tác; hộ gia đình ông đã quản lý, sử dụng ổn định 02 thửa đất nói trên không có ai tranh chấp cho đến nay. Thực hiện Dự án nâng cấp tuyến đường ĐT 638 (Đường phía Tây tỉnh), 02 thửa đất nói trên bị ảnh hưởng thu

hồi một phần. Do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định (Viết tắt là UBND phường T) xác nhận đây là đất công ích do UBND phường T quản lý nên gia đình ông chỉ được hỗ trợ 30% giá trị bồi thường, còn lại 70% UBND phường T thụ hưởng.

Ông không đồng ý với phương án bồi thường và nội dung xác nhận nguồn gốc đất nói trên vì các thửa đất số 66 và 73 là đất tư, gia đình ông không đưa đất vào hợp tác xã, không thuộc diện cân đối giao quyền, không thực hiện đấu thầu và từ trước đến nay, gia đình ông không nghe bất kỳ thông báo nào đối với 02 thửa đất nói trên là đất công ích do UBND phường T quản lý. Do đó, ông và bà C đã làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND phường T yêu cầu bồi thường đủ cho hộ gia đình ông.

Ngày 17/6/2019, Chủ tịch UBND phường T đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 71/QĐ-UBND với nội dung không công nhận nội dung khiếu nại của ông và bà Lê Thị C (Viết tắt là QĐ 71). Không đồng ý với quyết định nói trên, ông tiếp tục khiếu nại lần hai đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định (Viết tắt là Chủ tịch UBND thành phố Q); ngày 24/9/2019, Chủ tịch UBND thành phố Q đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 6256/QĐ-UBND (Viết tắt là QĐ 6256) với nội dung công nhận QĐ 71 là đúng quy định và không công nhận yêu cầu khiếu nại của ông.

Các quyết định trên đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của hộ gia đình ông; do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy QĐ 71 và QĐ 6256.

Bên cạnh các đơn khởi kiện vụ án hành chính, bản sao các quyết định hành chính bị kiện, người khởi kiện còn cung cấp cho Tòa án một số tài liệu, chứng cứ khác có liên quan đến yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, người khởi kiện không tự mình thu thập được bất kỳ chứng cứ nào khác và không có yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện, ông Nguyễn Công V – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định trình bày:

Ông Lê Công K và bà Lê Thị C là chị em ruột đang cùng sử dụng 02 thửa đất tại khu vực 4, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định và 02 thửa đất này bị ảnh hưởng thu hồi một phần trong Dự án Nâng cấp tuyến đường ĐT 638 (Đường phía Tây tỉnh) thuộc phường T, thành phố Q.

Theo Bản đồ địa chính đo vẽ năm 1996, ông Lê Công K và bà Lê Thị C sử dụng 02 thửa đất: Thửa đất số 66, tờ bản đồ số 36, diện tích 2.329,16m², không thể hiện chủ sử dụng đất và thửa đất số 73, tờ bản đồ số 36, diện tích 799,3m², loại đất rừng - gỗ, không thể hiện chủ sử dụng đất.

Theo Bản đồ địa chính đo vẽ năm 2018, ông K đang sử dụng thực tế thửa đất số 66, tờ bản đồ số 36, diện tích 2.000,4m², giảm 328,76m² so với Bản đồ đo vẽ năm 1996 do sai số khi đo đạc; bà C đang sử dụng thực tế thửa đất số 73, tờ bản đồ số 36, diện tích 832,9m², tăng 33,6m² so với Bản đồ đo vẽ năm 1996 do sai số khi đo đạc.

Ngày 25/02/2019, UBND thành phố Q đã ban hành Quyết định số 974/QĐ-UBND về việc thu hồi 463,4m² đất công ích thuộc thửa đất số 66 và 73 do UBND phường T quản lý để thực hiện Dự án Nâng cấp tuyến đường ĐT 638 (Đường phía Tây tỉnh). Trong đó, diện tích thửa đất số 66 bị thu hồi 93,7m²/2000,4m², diện tích đất còn lại sau thu hồi là 1906,7m² và diện tích thửa đất số 73 bị thu hồi 369,7m²/832,9m², diện tích đất còn lại sau thu hồi là 463,2m².

Tại Văn bản số 101/UBND-ĐC ngày 04/12/2018, UBND phường T xác nhận nguồn gốc 02 thửa đất nói trên như sau: Theo Bản đồ địa chính đo vẽ năm 1996 và Bộ đầu thầu đất công ích lưu trữ tại UBND phường T: Thửa đất số 66 có tục danh Xước Vỡ, loại đất trồng cây ăn quả, là đất công ích do UBND phường T quản lý, không đấu thầu, ông K bồi trúc, trực tiếp trồng cây ăn quả, thời gian sử dụng đất trước ngày 01/7/2004; thửa đất số 73 có tục danh Lường Vỡ, loại đất rừng, là đất công ích do UBND phường T quản lý, không đấu thầu, bà C bồi trúc, trực tiếp trồng cây lâu năm, thời gian sử dụng đất trước ngày 01/7/2004.

Kết quả kiểm tra, xác minh nguồn gốc 02 thửa đất nói trên cho thấy:

- Theo hồ sơ kiểm tra, điều chỉnh đất dự phòng năm 2000 và hồ sơ đấu thầu kèm theo thể hiện: Thửa đất có tục danh Xước Vỡ được xác lập tại thửa đất số 66, trước năm 2000, ông Huỳnh L sử dụng (Không qua hình thức đấu thầu) và năm 2000, UBND phường T tổ chức đấu thầu, ông L trúng thầu sử dụng thửa đất; thửa đất có tục danh Lường Vỡ được xác lập tại thửa đất số 73, loại đất RTG, trước năm 2000, ông Lê Công C (Cha ông K, bà C) sử dụng (Không qua hình thức đấu thầu) và năm 2000, đưa vào danh sách nhưng không đấu thầu.

- Danh sách sản lượng đấu thầu năm 2001 thể hiện ông Huỳnh L đấu thầu và sử dụng thửa đất có tục danh Xước Vỡ (Thửa đất số 66, tờ bản đồ số 36), không thể hiện thửa đất có tục danh Lường Vỡ (Thửa đất số 73, tờ bản đồ số 36).

- Danh sách sản lượng đấu thầu năm 2002 thể hiện ông Huỳnh L tiếp tục đấu thầu và sử dụng thửa đất có tục danh Xước Vỡ (Thửa đất số 66, tờ bản đồ số 36), còn thửa đất có tục danh Lường Vỡ (Thửa đất số 73, tờ bản đồ số 36) đưa vào danh sách nhưng không đấu thầu.

- Danh sách đấu thầu năm 2003 thể hiện có đưa vào danh sách nhưng không đấu thầu thửa đất có tục danh Xước Vỡ (Thửa đất số 66, tờ bản đồ số 36), còn thửa đất có tục danh Lường Vỡ (Thửa đất số 73, tờ bản đồ số 36) không đưa vào danh sách đấu thầu.

- Từ năm 2004 cho đến khi thu hồi đất, thửa đất số 66 và 73 đưa vào danh sách đất công ích của phường nhưng không tổ chức đấu thầu.

Căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan và nguồn gốc sử dụng đất do UBND phường T xác nhận nói trên, ngày 21/12/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (Viết tắt là UBND tỉnh Bình Định) đã ban hành Quyết định số 4556/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, không tính bồi thường về đất mà hỗ trợ 100% giá đất bị thu hồi cho UBND phường T (*Có Quyết định và phụ lục kèm theo*). Tuy nhiên, xét trên thực tế bà C và ông K có bồi trúc và sử dụng

đất trước ngày 01/7/2004 nên đã xét hỗ trợ 30% giá đất bị thu hồi và trừ trong tổng số 100% giá đất bị thu hồi đã tính hỗ trợ đất công ích cho UBND phường T; đơn giá hỗ trợ về đất cho ông K và bà C là 81.400 đồng/m² trên tổng diện tích đất thu hồi (369,7m² + 93,7m²) = 463,4m²; đồng thời, bồi thường cây cối, hoa màu cho ông K và bà C theo quy định (*Có Bảng tính kèm theo*).

Không đồng ý với giá trị hỗ trợ nói trên, ông K và bà C đã có đơn khiếu nại về nguồn gốc thửa đất số 66 và 73. Ngày 17/6/2019, Chủ tịch UBND phường T đã ban hành QĐ 71 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà C và ông K, theo đó không công nhận nội dung đơn của bà C và ông K. Không đồng ý với quyết định nói trên, ông K tiếp tục khiếu nại lần hai đến Chủ tịch UBND thành phố Q.

Kết quả làm việc với Thanh tra thành phố Q, ông K và bà C không cung cấp được giấy tờ có liên quan đến quyền sử dụng 02 thửa đất nói trên. Căn cứ vào hồ sơ vụ việc và kết quả xác minh của Thanh tra thành phố Q tại Báo cáo số 170/BC-TTr ngày 13/8/2019; ngày 24/9/2019, Chủ tịch UBND thành phố Q đã ban hành QĐ 6256 về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông K và bà C như sau:

“Không công nhận nội dung đơn của ông Lê Công K và bà Lê Thị C khiếu nại, yêu cầu kiểm tra, xác nhận lại đúng nguồn gốc 02 thửa đất là đất khai hoang của gia đình ông bà, để gia đình được nhận bồi thường, hỗ trợ về đất trong dự án Nâng cấp tuyến đường ĐT.638 (đường phía Tây tỉnh) thuộc phường T, thành phố Q. Vì theo hồ sơ địa chính được xác lập và Sổ bộ đầu thầu đất công ích, dự phòng lưu trữ tại UBND phường T thì 02 thửa đất 66 và 73, tờ bản đồ số 36 có nguồn gốc là đất công do UBND phường T quản lý và đã tổ chức đấu thầu sử dụng thường xuyên đối với thửa 66; còn thửa 73 thì không đấu thầu sử dụng nhưng đều được đưa vào danh sách để theo dõi, quản lý. Trên thực tế thì bà Lê Thị C và ông Lê Công K có bồi trồng và sử dụng đất để trồng cây trước ngày 01/7/2004 cho đến thời điểm hiện nay. Do vậy, áp dụng Điều 31 Quyết định 13/2015/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của UBND tỉnh Bình Định, quy định về việc hỗ trợ khi thu hồi đất công ích của xã, phường, thị trấn, Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng của dự án đã xem xét hỗ trợ 30% giá đất bị thu hồi cho bà C, ông K và trừ trong tổng số 100% giá đất bị thu hồi đã tính hỗ trợ cho UBND phường T.

Công nhận Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 16/6/2019 của Chủ tịch UBND phường T về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Công K và bà Lê Thị C là đúng quy định của pháp luật”.

Từ những căn cứ nói trên, QĐ 6256 được ban hành đúng quy định; do đó, Chủ tịch UBND thành phố Q không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông K yêu cầu hủy quyết định nói trên. Ngoài ra, Chủ tịch UBND thành phố Q không có yêu cầu độc lập hoặc phản tố nào khác.

Người bị kiện và đồng thời là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Trần Sơn B – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định trình bày:

UBND phường T và Chủ tịch UBND phường T thống nhất như nội dung trình bày của Chủ tịch UBND thành phố Q về nguồn gốc đất và quá trình khiếu nại, giải quyết khiếu nại đối với ông K và bà C.

UBND phường T và Chủ tịch UBND phường T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định đối với yêu cầu khởi kiện của ông K về việc yêu cầu Tòa án giải quyết hủy QĐ 71.

Ngoài ra, UBND phường T và Chủ tịch UBND phường T không có yêu cầu độc lập hoặc phản tố nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Lê Thị C, bà Nguyễn Thị Bích H, ông Lê Công K, ông Lê Công C và ông Lê Công K thống nhất trình bày:

Những người nói trên thống nhất với nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Lê Công K; ngoài ra, không có ai có trình bày hoặc yêu cầu độc lập nào khác.

Người làm chứng là các ông Huỳnh L, Nguyễn L, Nguyễn Đình D và Huỳnh M thống nhất trình bày:

Các ông là dân địa phương, ở gần nhà của ông Lê Công K. Vị trí thửa đất mà hiện nay ông K đang khiếu nại nằm riêng ở khu vực Long Vân, Long Mỹ. Thửa đất mà hiện nay ông K và bà C đang khiếu nại có nguồn gốc là do ông Lê C (Cha ông K và bà C) khai hoang trước năm 1983 để trồng cây ăn quả và trồng cây lâu năm, trên đất có một ngôi nhà nhỏ dùng để ở bảo vệ cây cối. Việc nhà ông K có đăng ký kê khai hoặc được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất mà hiện nay ông K và bà C đang khiếu nại hay không các ông không biết vì đó là việc riêng nhà ông K. Việc nhà ông K khiếu nại và các cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định giải quyết như thế nào các ông không biết. Đối với việc nhà nước thu hồi và bồi thường cho nhà ông K và bà C đối với các thửa đất mà hiện nay ông K và bà C đang khiếu nại như thế nào các ông không biết vì đó là đất nhà ông K khai hoang, canh tác, không liên quan đến các ông.

Theo trình bày của ông Huỳnh L thì sau giải phóng (Ông không nhớ thời gian cụ thể), ông có nhiều lần đầu thầu tại Hợp tác xã phường T đấu thầu thửa đất có tục danh là Xước Vỡ dùng để canh tác hoa màu, trồng lang, mỳ. Ông xác định thửa đất mà ông đấu thầu tại Hợp tác xã phường T để canh tác với thửa đất mà hiện nay ông K và bà C đang khiếu nại là hoàn toàn khác nhau, có một lối đi giữa; từ trước đến nay, ông và gia đình ông K canh tác ổn định, không có ai tranh chấp. Hiện nay, ông không còn canh tác trên thửa đất đấu thầu nói trên do Nhà nước đã thu hồi đất, ông không được bồi thường vì ông thuộc diện đấu thầu 03 năm/1 lần.

Theo trình bày của ông Nguyễn L thì khoảng năm 1977, 1978, ông có khai vỡ 01 thửa đất gần vùng đất nhà ông K; khi ông đến khai hoang thì ông đã thấy cha ông K đến khai hoang thửa đất nói trên. Trong quá trình canh tác tại các thửa đất khai hoang, ông và gia đình ông K canh tác ổn định liên tục cho đến nay, không có ai tranh chấp và các cơ quan có thẩm quyền không có ai có ý kiến hoặc xử phạt gì.

Hiện nay, ông vẫn còn canh tác trên thửa đất khai hoang nói trên vì đất của ông không nằm trong diện bị thu hồi đất.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định: Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính và đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Công K, hủy QĐ 71 và QĐ 6256 do có vi phạm về thẩm quyền ban hành đối với các quyết định nói trên.

Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; những người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định hành chính bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có các yêu cầu độc lập nào khác.

Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hành chính đề Hội đồng xét xử xem xét, quyết định đối với yêu cầu của người khởi kiện ông Lê Công K theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định, các quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại các Điều 157, 158 Luật tố tụng hành chính thì Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nói trên.

Ông Lê Công K khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy QĐ 71 và QĐ 6256. Căn cứ khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính thì yêu cầu khởi kiện nói trên của ông K thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định và trong thời hiệu khởi kiện. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính đối với yêu cầu khởi kiện nói trên của ông K là đúng quy định.

[2] Theo Điều 66 Luật đất đai ngày 29/11/2013 quy định về thẩm quyền thu hồi đất thì:

“1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi đất trong các trường hợp sau đây:

a) Thu hồi đất đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

b) Thu hồi đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất trong các trường hợp sau đây:

a) Thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư;

b) Thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam.

3. Trường hợp trong khu vực thu hồi đất có cả đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi đất hoặc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất.”

Tại điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai ngày 29/11/2013 quy định trình tự, thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng “Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 66 của Luật này quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày”.

Đối chiếu với quy định nói trên, Ủy ban nhân dân cấp phường không có thẩm quyền thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Do đó, Chủ tịch UBND phường T ban hành QĐ 71 với nội dung “Không công nhận đơn khiếu nại của ông Lê Công K và bà Lê Thị C về việc yêu cầu áp giá đền bù đối với 02 thửa đất số 66, 73, tờ bản đồ số 36 tại khu vực 4, phường T (Thuộc Dự án Nâng cấp tuyến đường ĐT 638 (Đường phía Tây tỉnh) đoạn Km137 + 580 – Km143 + 787” là không đúng quy định về thẩm quyền ban hành quyết định hành chính.

Vì QĐ 71 được ban hành không đúng quy định về thẩm quyền nên QĐ 6256 có nội dung “Công nhận Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 16/6/2019 của Chủ tịch UBND phường T về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Công K và bà Lê Thị C là đúng quy định của pháp luật” cũng được ban hành không đúng quy định về thẩm quyền.

Từ những căn cứ nói trên, QĐ 71 và QĐ 6256 có vi phạm về thẩm quyền ban hành; do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K, hủy 02 quyết định hành chính nói trên.

Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuyên xử hủy QĐ 71 và QĐ 6256 do có vi phạm về thẩm quyền nên không xem xét tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức, nội dung, thời hiệu, thời hạn, trình tự và thủ tục ban hành của 02 quyết định nói trên.

[3] Về án phí hành chính sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Tòa án thì Chủ tịch UBND thành phố Q và Chủ tịch UBND phường T mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông Lê Công K thống nhất tự nguyện chịu án phí hành chính sơ thẩm trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông; do đó, buộc ông K phải chịu 300.000 đồng, được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003772 ngày 27/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào quy định tại Điều 30; Điều 32; Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính;

- Căn cứ vào quy định của Điều 66 và điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai ngày 29/11/2013;

- Căn cứ quy định tại Điều 29 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Công K.

2. Hủy Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định và hủy Quyết định số 6256/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm: Buộc ông Lê Công K phải chịu 300.000 đồng, được trừ 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003772 ngày 27/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Xuân Hải